

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Điều chỉnh lần 3)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CCKL ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Kiểm lâm TP. Hồ Chí Minh.

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh tăng giảm trong năm		
			Lần 1	Lần 2	Lần 3
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-	-	-
1	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-
1.1	Lệ phí	-	-	-	-
1.2	Phí	-	-	-	-
2	Chi từ nguồn thu được để lại	-	-	-	-
2.1	Chi sự nghiệp	-	-	-	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-
2.2	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-
3	Số phí, lệ phí và thu khác nộp NSNN	-	-	-	-
1.1	Lệ phí	-	-	-	-
1.2	Phí	-	-	-	-
B	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	38.260.000	138.600	402.000	3.647.000
I	Chi quản lý hành chính (Chương 412 - Loại 340 - Khoản 341)	27.621.000	138.600	402.000	3.647.000

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh tăng giảm trong năm		
			Lần 1	Lần 2	Lần 3
1	2	3	4	5	6
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14.815.000	-	402.000	1.625.000
	Chi cho con người	14.815.000	-	402.000	1.625.000
	- Quỹ lương (70 người)	8.905.000	1.252.000	83.000	1.625.000
	Trong đó: + Biên chế công chức (69 người)	8.905.000		6.000	
	+ Biên chế chưa tuyển (01 người)			62.000	
	+ Tăng lương cơ sở (từ 1,49 triệu đồng lên 1,8 triệu đồng)		1.252.000	15.000	
	+ Tăng lương cơ sở (từ 1,8 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng)				1.625.000
	- Nhu cầu tăng lương cơ sở (từ 1,49 triệu đồng lên 1,8 triệu đồng) (Nguồn cải cách tiền lương (CCTL) ngân sách Thành phố (NSTP))	1.252.000	(1.252.000)		
	Chi hoạt động (70 người)	4.658.000		319.000	
	Trong đó: KP chi cho thi đua khen thưởng	90.000			
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12.806.000	138.600	-	2.022.000
2.1	Chi từ nguồn CCTL NSTP	9.727.000	-	-	1.418.000
	Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn bản quy định hiện hành	9.727.000			1.418.000
	Trong đó: + Biên chế công chức	9.439.000			1.418.000
	+ Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP	288.000			
2.2	Quỹ tiền thưởng				383.000
2.3	Chi từ nguồn ngân sách Thành phố	3.079.000	138.600		221.000
	- Trợ cấp Tết		138.600		
	- Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	1.381.000			58.000

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh tăng giảm trong năm		
			Lần 1	Lần 2	Lần 3
1	2	3	4	5	6
	- Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (do tăng lương cơ sở từ 1,8 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng)				221.000
	- Nước sinh hoạt 03 Trạm Kiểm lâm	43.000			(4.000)
	- Đồng phục, trang phục	187.000			
	- Kinh phí ISO	17.000			
	- Mua sắm tài sản cố định	166.000			(2.000)
	+ Mua 10 bộ bàn ghế ngồi làm việc cho 05 đơn vị	45.000			
	+ Mua 01 máy điều hoà nhiệt độ - CT quản lý, phát triển Cá Sấu và ĐVHD	18.000			
	+ Mua máy móc, thiết bị kho lưu trữ cơ quan (01 máy hủy giấy - Kho lưu trữ Chi cục Kiểm lâm ; 02 Máy hút ẩm - Kho lưu trữ Hạt Kiểm lâm Cần Giờ, Củ Chi)	27.000			
	+ Mua máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước (03 máy vi tính để bàn, 03 máy in)	76.000			(2.000)
	-Sửa chữa tài sản cố định	1.285.000			(52.000)
	+ Sửa chữa 02 xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác PCCC rừng, phòng chống thiên tai	106.000			
	+ Sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên hàng năm 12 ca nô phục vụ công tác bảo vệ rừng	324.000			(14.000)
	+ Sửa chữa máy bơm nước, thiết bị chữa cháy rừng của Hạt KL Củ Chi, Cần Giờ và Đội KL Cơ động và PCCC rừng:	13.000			(12.000)
	+ Sửa chữa chuồng nuôi nhốt thú, bò sát- Trạm Cứu hộ động vật hoang dã	323.000			

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh tăng giảm trong năm		
			Lần 1	Lần 2	Lần 3
1	2	3	4	5	6
	+ Xử lý thanh thải Trạm Kiểm lâm Tam Thôn Hiệp	270.000			(26.000)
	+ Sửa chữa Trụ sở làm việc và công trình phụ - Trạm Kiểm lâm Tân An	249.000			
II	Kinh phí không tự chủ sự nghiệp kinh tế nông - lâm - thủy lợi (Chương 412 - Loại 280 - Khoản 282)	10.639.000	-	-	-
1	Các nghiệp vụ thường xuyên	3.205.000	-		
	- Trục phòng cháy rừng 6 tháng	948.000			
	- Tổ chức kiểm tra định kỳ về công tác bảo vệ; phòng cháy chữa cháy rừng của Ban chỉ huy cấp Thành phố	13.000			
	- Cảnh báo cháy rừng trên Đài truyền hình	27.000			
	- Chi phí chữa cháy rừng	23.000			
	- Khen thưởng công tác bảo vệ, PCCC rừng	12.000			
	- Hội nghị tổng kết công tác bảo vệ rừng cấp Thành phố	54.000			
	- Theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp	95.000			
	- Chi phí cứu hộ động vật hoang dã	801.000			
	- Sửa, sơn bảng tuyên truyền bảo vệ và PCCC rừng; Bảng quy ước trong cộng đồng dân cư	176.000			
	- Tập huấn nghiệp vụ Kiểm lâm	21.000			
	- Hội nghị tỉnh giáp ranh Bà Rịa - Vũng Tàu và TP.HCM	9.000			
	- Tham gia lớp huấn luyện chữa cháy do CATP tổ chức	54.000			

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh tăng giảm trong năm		
			Lần 1	Lần 2	Lần 3
1	2	3	4	5	6
	- Tham gia lớp tập huấn vũ khí, công cụ hỗ trợ	81.000			
	- Đào tạo tài công điều khiển ca nô	20.000			
	- Nhiên liệu công tác bảo vệ và PCCC rừng, kiểm tra kiểm soát lâm sản	628.000			
	- Chi phí hoạt động xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản	243.000			
2	Các Chương trình	540.000	-		91.700
	- Chương trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản (Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021)	206.000			
	- Chương trình quản lý phát triển Cá sấu và động vật hoang dã (Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021)	334.000			
	- Chương trình quản lý, bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng (Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021)				91.700
3	Thực hiện nhiệm vụ lâm nghiệp	6.894.000	-		(91.700)
	- Trồng cây phân tán	6.305.000			(91.700)
	- Trồng cây Lễ 19/5	589.000			

DỰ TOÁN NĂM 2023 CHUYỂN SANG NĂM 2024 THEO ĐỐI CHIẾU TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

			Điều chỉnh trong năm
--	--	--	----------------------

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh tăng giảm trong năm		
			Lần 1	Lần 2	Lần 3
1	2	3	4	5	6
STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Lần 1	Lần 2	Lần 3
1	2	3	4	5	
	TỔNG SỐ	2.119.037,827	-		
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	647.618,971	603.000,000	(3.000,000)	
	Trong đó chuyển từ nguồn CCTL sang quỹ lương thực hiện tăng lương cơ sở (từ 1,49 triệu đồng lên 1,8 triệu đồng)		603.000,000	(3.000,000)	
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	41.500,000			
3	Nguồn cải cách tiền lương	1.429.918,856	(603.000,000)	3.000,000	
	- Kinh phí tự chủ				
	- Kinh phí không tự chủ	1.429.918,856	(603.000,000)	3.000,000	

- Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 không bao gồm khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp lương, các khoản có tính chất lương vì con người theo chế độ) và được giữ lại ở ngân sách Thành phố để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

- Nguồn CCTL sử dụng cho nhu cầu tăng lương cơ sở năm 2024 (từ 1,49 triệu đồng lên 1,8 triệu đồng) giao đầu năm là 1.852.000.000 đồng, trong đó nguồn CCTL NSTP là 1.249.000.000 đồng, nguồn CCTL đơn vị năm 2023 chuyển sang là 600.000.000 đồng. Số dư thực tế nguồn CCTL đơn vị chuyển sang: 1.429.918.856 đồng (nguồn kinh phí không tự chủ).

- Nguồn CCTL chi thu nhập tăng thêm năm 2024 theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố là 9.727.000.000 đồng, nguồn CCTL NSTP là 9.727.000.000 đồng.

- Các giá trị dự toán chỉ sử dụng làm cơ sở để đơn vị tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, không là cơ sở để đàm phán, ký kết hợp đồng và thanh, quyết toán kinh phí quản lý, sử dụng ngân sách của đơn vị; thực hiện theo khoản 2 Điều 38 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ: "Thủ trưởng đơn vị sử dụng trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách theo dự toán được giao bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách".

- Đối với dự toán chi sự nghiệp các hoạt động kinh tế, đơn vị chỉ thực hiện khi được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt. Kinh phí thực hiện các Chương trình. Dự án, Đề án nhiệm vụ tổ chức thực hiện theo đúng nội dung, định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thuyết minh nội dung, số liệu, cơ sở pháp lý điều chỉnh dự toán:

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh tăng giảm trong năm		
			Lần 1	Lần 2	Lần 3
1	2	3	4	5	6

Điều chỉnh lần 1

- Điều chỉnh tăng dự toán nguồn kinh phí không thường xuyên 138.600.000 đồng để chăm lo Tết Giáp Thìn năm 2024 theo Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm nhân dân Thành phố.

- Nhu cầu tăng lương cơ sở năm 2024 (từ 1,49 triệu đồng lên 1,8 triệu đồng) là 1.855.000.000 đồng, trong đó chuyển nguồn CCTL NSTP là 1.252.000.000 đồng, nguồn CCTL chuyển sang là 603.000.000 đồng (nguồn kinh phí không tự chủ). sang quỹ lương cơ bản để thực hiện chi CCTL theo Công văn số 2198/KBTPHCM-KTNN ngày 22 tháng 5 năm bạc Nhà nước Thành phố.

Điều chỉnh lần 2

- Điều chỉnh tăng dự toán chi thường xuyên năm 2024: 402.000.000 đồng theo Quyết định số 3641/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố, tro. nguồn kinh phí tự chủ: 387.000.000 đồng, nguồn cải cách tiền lương để tăng quỹ lương cơ bản thực hiện chi tăng lương cơ sở: 15.000.000 đồng..

Điều chỉnh lần 3

- Cân đối kinh phí 91.700.000 đồng từ nghiệp vụ Trồng cây phân tán để bổ sung thực hiện Chương trình quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng được phê duyệt t 1886/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố nhưng không làm phát sinh tăng, giảm tổng dự toán được giao. Đơn vị chỉ được thực hiện khi có thuận chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cân đối kinh phí 58.000.000 đồng từ nguồn kinh phí không giao tự chủ để bổ sung chi phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề Kiểm lâm phát sinh tăng do tăng hệ số toán giao đầu năm nhưng không làm phát sinh tăng, giảm tổng dự toán được giao.

- Điều chỉnh tăng dự toán chi thường xuyên năm 2024: 3.647.000.000 đồng theo Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố, tăng lương cơ sở từ 1,8 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng là: 1.846.000.000 đồng (nguồn kinh phí giao tự chủ: 1.625.000.000 đồng, không giao tự chủ: 221.000.000 đồng); Nhu c tăng thêm do tăng lương cơ sở từ 1,8 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng là: 1.418.000.000 đồng; Quỹ tiền thưởng bằng 10% tổng quỹ lương (không bao gồm phụ cấp) là 383.000.6

số 2

h)

Đơn vị: 1.000 đ

Tổng dự toán được sử dụng
7=3+4+5+6
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
42.447.600
31.808.600

Tổng dự toán được sử dụng
7=3+4+5+6
16.842.000
16.842.000
11.865.000
8.911.000
62.000
1.267.000
1.625.000
-
4.977.000
90.000
14.966.600
11.145.000
11.145.000
10.857.000
288.000
383.000
3.438.600
138.600
1.439.000

Tổng dự toán được sử dụng
7=3+4+5+6
221.000
39.000
187.000
17.000
164.000
45.000
18.000
27.000
74.000
1.233.000
106.000
310.000
1.000
323.000

Tổng dự toán được sử dụng
7=3+4+5+6
244.000
249.000
10.639.000
3.205.000
948.000
13.000
27.000
23.000
12.000
54.000
95.000
801.000
176.000
21.000
9.000
54.000

Tổng dự toán được sử dụng
7=3+4+5+6
81.000
20.000
628.000
243.000
631.700
206.000
334.000
91.700
6.802.300
6.213.300
589.000

Tổng dự toán

Tổng dự toán được sử dụng
7=3+4+5+6
Tổng dự toán được sử dụng
6=3+4+5
2.119.037,827
1.247.618,971
600.000,000
41.500,000
829.918,856
829.918,856

à các khoản chi cho

252.000.000 đồng,

z, trong đó chi từ

phí. Việc thực hiện,
ng ngân sách chịu

n đơn vị chịu trách

Tổng dự toán được sử dụng
$7=3+4+5+6$

m 2024 của Ủy ban

*đơn vị năm 2023
m 2024 của Kho*

ng đó

*tại Quyết định số
văn bản chấp*

ố lương so với dự

*trong đó nhu cầu
cầu chi thu nhập
000 đồng.*